

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 08.9.2017

V/v tranh chấp “Ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Tiễn

2. Ông Nguyễn Văn Sanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Đình Vui, Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Tuyết Hồng- Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 08 tháng 9 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 154/2017/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2017 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2017 và quyết định hoãn phiên tòa số: 35/2017/QĐST-HNGĐ ngày 11.8.2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Ngọc Diệu T - Sinh năm: 1978.

Địa chỉ: 164 đường H, phường N, quận M, thành phố . Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Phan H - Sinh năm: 1977

Địa chỉ: 44/3 đường T, phường N, quận M, thành phố K. Vắng mặt lần thứ 2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 29/5/2017 trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Ngọc Diệu T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Phan H sống kết hôn năm 2011, đăng ký kết hôn tại UBND phường Hải Châu N, quận M, thành phố K. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện.

Sau khi kết hôn vợ chồng bà sống chung với ba mẹ chồng tại K44/3 phường N, quận M, thành phố K. Vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông H ham chơi cờ bạc, không có trách nhiệm với vợ con, bà và gia đình đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng ông H vẫn không thay đổi nên trong cuộc sống cả hai luôn bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, không ai nhường nhịn ai, tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, không có hạnh phúc. Tháng 05 năm 2016 bà đã nộp đơn ly hôn tại Tòa án nhân dân quận Hải Châu,

sau khi Tòa án đã hòa giải bà đã rút đơn để hai vợ chồng đoàn tụ chăm lo nuôi dạy con cái. Tuy nhiên, từ đó đến nay bà và ông H vẫn tiếp tục mâu thuẫn, tình trạng hôn nhân vẫn không thể cải thiện tốt hơn nên bà và ông H đã sống ly thân, bà và 02 con về sống chung với ba mẹ ruột tại 164 đường H, phường N, quận M còn ông H sống chung với gia đình ông tại K 44/4 đường T, quận M, thành phố K phần ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai. Nay bà không còn tình cảm với ông H nữa bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Phan H.

Về quan hệ con chung: Bà xác nhận bà và ông Phan H có 02 con chung tên: Phan Gia B và Phan Gia L cùng sinh ngày: 02/7/2013. Ly hôn, bà có nguyện vọng được nuôi 02 con chung, yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 4.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà xác định vợ chồng không có nợ chung.

Trong quá trình tố tụng, bị đơn ông Phan H không có ý kiến trình bày gửi đến Tòa án và vắng mặt không có lý do tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải mặc dù đã được Tòa án cấp tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng.

Ngày 08.8.2017 ông Phan H có bản tự khai trình bày: Ông thừa nhận về thời gian, địa điểm, điều kiện kết hôn như bà T trình bày. Về nguyên nhân mâu thuẫn ông thừa nhận do ông ham chơi cờ bạc nên vợ chồng luôn mâu thuẫn, ông biết những lỗi lầm mà ông đã gây ra, ông xin hứa sẽ khắc phục trong thời gian sắp tới và xin được đoàn tụ. Nếu bà T không đồng ý đoàn tụ. Tòa án xử cho ly hôn ông đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 4.000.000đ.

Về tài sản chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông xác định không có.

Tại biên bản xác minh ngày 27.6.2017 của Tòa án tại chính quyền địa phương, tổ dân phố nơi bà T và ông H thường xuyên sinh sống thể hiện: Trong cuộc sống hàng ngày ở địa phương gia đình bà T và ông H sống có mâu thuẫn hay cãi vã sau đó bà T chuyển đi ở nơi khác hiện nay bà T không còn sống chung với ông Hoàng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án là tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: đại diện Viện kiểm sát đề nghị căn cứ theo quy định tại Điều 56 và Nghị quyết số 02 ngày 23.12.2000 hướng dẫn áp dụng quy định luật Hôn nhân gia đình xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T, giao 02 con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông H cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 4.000.000đ cho đến khi con thành niên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa; sau khi nghe các đương sự trình bày và tranh luận công khai tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về tố tụng:** Ông Phan H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa, nhưng ông H vẫn vắng mặt lần 2 không có lý do, nên HĐXX căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Hoàng.

[2] **Về nội dung:** Bà Trần Ngọc Diệu T và ông Phan H kết hôn vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Hải Châu I, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp nên cần được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của bà T đối với ông Phan H. Hội đồng xét xử nhận thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà T thừa nhận mâu thuẫn của vợ chồng đã quá trầm trọng, bà không còn yêu thương ông H vì sau khi bà rút đơn năm 2016 tại Tòa để vợ chồng về đoàn tụ xây dựng gia đình hạnh phúc, nuôi dạy con cái trưởng thành nhưng tình trạng hôn nhân vẫn không được cải thiện tốt hơn, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai, xác nhận tình trạng hôn nhân nơi cư trú của vợ chồng cũng thể hiện vợ chồng có mâu thuẫn và hiện không chung sống cùng nhau. Tại bản tự khai ngày 08.8.2017 ông H thừa nhận có lỗi lầm với vợ con do ham mê cờ bạc, ông xin được đoàn tụ và hứa sẽ khắc phục những lỗi lầm do mình gây ra trong thời gian sắp đến, nếu bà T không đồng ý đoàn tụ thì ông tự nguyện sẽ cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng 4.000.000đ.

Xét yêu cầu đoàn tụ của ông H thì thấy: Tại các phiên hòa giải và tại phiên tòa lần thứ nhất ông H đều vắng mặt không có lý do mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ. Điều này chứng tỏ ông H không có thiện chí hòa giải để đoàn tụ, tại phiên tòa bà T cương quyết được ly hôn không đồng ý đoàn tụ, xét thấy mâu thuẫn giữa bà T và ông H đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật Luật hôn nhân và gia đình xử cho bà T được ly hôn ông H.

[3] **Về quan hệ con chung:** Bà T và ông H xác nhận có 02 con chung tên: Phan Gia B và Phan Gia L; cùng sinh ngày: 02/7/2013. Ly hôn, bà T có nguyện vọng được nuôi 02 con chung, yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 4.000.000đồng.

Xét thấy: Từ khi bà T và ông H sống ly thân cho đến nay hai con vẫn ở với bà T, được bà T nuôi dưỡng, chăm sóc rất tốt. Tại phiên tòa ông H vắng mặt nhưng tại bản tự khai ngày 08.8.2017 ông đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 4.000.000 đồng nên HĐXX chấp nhận yêu cầu của bà T, giao 02 con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng 4.000.000 đ/02 cháu kể từ tháng 10/ 2017 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

[3] **Về tài sản chung:** Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết..

[4] **Về nợ chung:** Các đương sự xác định không có.

[5] **Về án phí:** Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ bà T phải chịu.
Án phí cấp dưỡng nuôi con chung ông Phan H phải chịu 300.000đồng
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 56, 58, 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

-Căn cứ Khoản 4 Điều 147, các Điều 271 và 273 BLTTDS 2015

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Ngọc Diệu T về việc “Ly hôn” với ông Phan H.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Trần Ngọc Diệu T và ông Phan H.

2. Về nuôi con chung:

2.1 Giao hai con chung tên: Phan Gia B và Phan Gia L; cùng sinh ngày: 02/7/2013 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng.

2.3 Ông H phải cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng 4.000.000đồng/ 2 cháu. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 10/2017 cho đến khi 02 con thành niên (đủ 18 tuổi).

Sau khi ly hôn, các bên đương sự vẫn có quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật; người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Sau này vì quyền lợi của con chung chưa thành niên các bên đương sự vẫn có quyền yêu cầu hoặc thỏa thuận thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản và xác định không có nợ chung.

4. Về án phí :Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ bà Trần Ngọc Diệu T phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà T đã nộp tại biên lai thu số 9458 ngày 08/6/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Án phí cấp dưỡng nuôi con chung ông Phan H phải chịu 300.000đồng

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Về quyền kháng cáo: Bà T có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Phan H vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận (hoặc niêm yết) trích sao bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án

dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- VKSND quận Hải Châu;
- Chi cục THADS Q. Hải Châu
- UBND phường Hải Châu I
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phan Thị Huệ

